

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2022/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Văn C, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: + Ông Tô Quang T, sinh năm 1947

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Tô Văn Nh, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Thôn xz xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk

+ Bà Tô Thị V, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình

+ Bà Tô Thị V1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Khối y, Phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

+ Bà Tô Thị V2, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Ông Tô Văn Nh và bà Tô Thị V ủy quyền tham gia tố tụng và giải quyết vụ án cho ông Tô Văn C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nội dung:

Các đương sự yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Tô Xuân T (tức Tô Đình T) chết năm 2005 và cụ Vũ Thị V3 chết năm 2005 gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất 437, diện tích 317m², loại đất: Đất ở. Vị trí thửa đất

tại Xóm ss, xã T, huyện T, Thái Bình (nay là thôn T, xã T, huyện T, Thái Bình). Thửa đất được UBND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: H 494375, sổ vào sổ 1167 QSDĐ/TH, cấp ngày 12/11/1996 mang tên Tô Đình T. Khi chết, cụ T và cụ V3 không để lại di chúc.

2.2 Về xác định hàng thừa kế: Cụ T và cụ V3 có 06 người con gồm: Ông Tô Văn Nh, sinh năm 1944, ông Tô Quang T và bà Tô Thị V, đều sinh năm 1947, ông Tô Văn C, sinh năm 1954, bà Tô Thị V1, sinh năm 1956 và bà Tô Thị V2, sinh năm 1960. Ngoài ra cụ T và cụ V3 không có người con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú nào khác.

2.3 Về phân chia di sản thừa kế: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế Quyền sử dụng đất đối với thửa đất 437, diện tích $317m^2$, loại đất: Đất ở. Vị trí thửa đất tại Xóm ss, xã T, huyện T, Thái Bình (nay là thôn Thôn T, xã T, huyện T, Thái Bình) cụ thể như sau:

2.3.1 Chia cho ông Tô Quang T Quyền sử dụng $52m^2$ đất ở (ký hiệu S1). Đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp phần còn lại thửa 437 (ký hiệu S2) dài 11,34m

Phía Tây giáp giao thông xóm dài 5,63m + 6,83m

Phía Nam giáp phần còn lại thửa 437 (ký hiệu S2), dài 4,47m

Phía Bắc giáp thửa 433, dài 3,82m; Giáp giao thông xóm dài 0,41m

(Thửa S1 = $52m^2$, có ranh giới các điểm 1,2,3,13,11,12 như sơ đồ bản vẽ kèm theo)

2.3.2 Chia cho ông Tô Văn C, ông Tô Văn Nh, bà Tô Thị V, bà Tô Thị V1 và bà Tô Thị V2 diện tích $265m^2$ (ký hiệu S2). Đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa ông Tô Văn C, dài 24,85m

Phía Tây giáp thửa S1 (phần diện tích đất chia cho ông Tiu) dài 11,34m; Giáp giao thông xóm dài 2,14m + 0,22m + 5,13m + 8,1m

Phía Nam giáp thửa ông Tô Văn Đ dài 10,16m, Giáp thửa ông Tô Văn C dài 2,24m.

Phía Bắc giáp thửa 433 dài 7,93m

(Thửa S2 = $265m^2$ có ranh giới các điểm 3,4,5,6,7,8,9,10,11,13 như sơ đồ kèm theo)

3/ Về án phí: Ông Tô Văn Nh, sinh năm 1944, ông Tô Quang T và bà Tô Thị V, đều sinh năm 1947, ông Tô Văn C, sinh năm 1954, bà Tô Thị V1, sinh năm 1956 và bà Tô Thị V2, sinh năm 1960 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trả lại ông Tô Văn C số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình theo biên lai số 0002575 ngày 01/12/2022.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Tiền Hải;
- Chi cục THA h. Tiền Hải
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhi